

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/HS-ST
Ngày: 26/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Quyên

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Đài và ông Nguyễn Huy Giáp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 228/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1) TRẦN ĐÌNH HÙNG C, sinh năm 1980 tại Đồng Nai. HKTT và trú tại: Ấp NP, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm gỗ. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Đình B, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1958. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

2) HUỖNH VĂN D, sinh năm 1982 tại Đồng Nai. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: tài xế. Trình độ học vấn: 08/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Huỳnh Hận T, sinh năm 1960 và bà: Bùi Thị P, sinh năm 1962. Có vợ: Trương Thị Cẩm V, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

3) TRỊNH NGỌC D, sinh năm 1990 tại Đồng Nai. HKTT và trú tại: Khu phố A, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị Y, sinh năm 1969. Có vợ: Trần Mỹ H, sinh năm 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

4) TRẦN THÚY H, sinh năm 1989 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp HĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Q, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1968. Có chồng Tô Văn Diễn, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

5) LÊ VĂN H, sinh năm 1983 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp V X, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 02/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952. Có vợ Phan Thị G, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

6) HUỖNH VĂN K, sinh năm 1986 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Phụ hồ. Trình độ học vấn: 02/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Huỳnh Hận T, sinh năm: 1960 và bà Bùi Thị P, sinh năm: 1962. Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

7) NGUYỄN THỊ L, sinh năm 1981 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: xã A MB, huyện U MT, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 01/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954 và bà Thái Thị S, sinh năm 1960. Có chồng Huỳnh Văn H, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

8) ĐẶNG VĂN M, sinh năm 1980 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp CK, xã Q PB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Thợ mộc. Trình độ học vấn: 0/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Văn D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1957. Có vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005; Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

9) PHAN THỊ N, sinh năm 1990 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 02/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phan Văn T, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962. Có chồng: Lý Công N, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

10) PHAN VĂN N, sinh năm 1985 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã P T, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Làm gỗ. Trình độ học vấn: 02 /12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phan Văn S (đã chết) và bà Cao Thị M, sinh năm 1951. Có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2007. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

11) ĐẶNG BẾ T, sinh năm 1992 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp C K, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn:

09/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Văn D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1957. Có chồng Hà Quang H, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

12) PHẠM THỊ T, sinh năm 1982 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp ĐT B, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 05 /12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Phi H, sinh năm 1957 và bà Lương Thị N, sinh năm 1961. Có chồng Đặng Văn M, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

13) PHAN THỊ T, sinh năm 1992 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 08 /12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phan Văn T, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962. Có chồng Danh T, sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

14) HUỲNH CẨM T, sinh năm 1991 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 09 /12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Huỳnh Hận T, sinh năm: 1960 và bà Bùi Thị P, sinh năm: 1962. Có chồng Lê Hữu T, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

15) TRẦN CẨM T, sinh năm 1980 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp VX, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 0 /12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Văn E (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm: 1963. Có chồng Trần Văn T, sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự : chưa . Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

16) LƯƠNG THỊ Ú, sinh năm 1976 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: nội trợ. Trình độ học vấn: 04/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lương Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết). Có chồng Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự : chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

17) BÙI VĂN X, sinh năm 1976 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp V X, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 02/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Bùi Văn H (đã chết) và bà Phan Thị X, sinh năm 1957 . Có vợ Lê Thị T, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

18) LÊ THỊ THÚY L, sinh năm 1977 tại Bình Thuận. HKTT và trú tại: Ấp ĐH, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 01/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1957. Có chồng Trần Trung K, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

19) HUỖNH THỊ T, sinh năm 1962 tại Cà Mau. HKTT và trú tại: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 03/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Huỳnh Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết). Có chồng Phan Văn T, sinh năm 1961 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 16/9/2019. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 15/9/2019, Trịnh Ngọc D gọi điện thoại rủ Huỳnh Cẩm T, Phan Thị T đến nhà Trần Đình Hùng C thuộc ấp NP, xã HN 3, huyện TB để đánh bài cào cái ăn tiền. T, Th rủ thêm Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn D, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Trần Thúy H, Lương Thị Út, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X đến đánh bạc. Cùng lúc đó Đặng Văn M, Phạm Thị T, Phan Văn N đến nhà C để trả tiền cho Đặng Bé T (do T cho M, T, N vay tiền) thì gặp nhóm đối tượng trên. Trần Đình Hùng C chuẩn bị 01 bộ bài tây 52 lá để cho các đối tượng chơi bạc với mục đích thu tiền xâu. Quá trình đánh bạc, N, D, H thay phiên nhau làm cái đánh bài cào ăn tiền với T, Th, K, D, N, T, H, Ú, L, L, T, X, M, T và T, hình thức chơi như sau: người làm cái sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá bài chia đều cho các người chơi mỗi người 03 lá bài, sau đó người chơi sẽ cộng điểm 03 lá bài mình lại và so với bài cái, nếu người chơi thua điểm bài cái sẽ thua người làm cái số tiền mình đặt và ngược lại. Bài cao nhất là ba cào rồi đến 09 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Trường hợp người làm cái và người chơi bằng điểm nhau thì ván đó hòa, không thắng không thua. Mỗi ván các con bạc đặt từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng, các con bạc tham gia chơi được khoảng 20 ván, đến 14 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Thu giữ tang vật gồm: số tiền 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) trên chiếu bạc, 110.690.000 đồng (Một trăm mười triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) trong người các con bạc, 01 bộ bài tây 52 lá bài (đang sử dụng), 03 xe mô tô biển số 60F3-136.74, 69F1-327.69, 68N1-181.82 và 15 điện thoại di động các loại.

Quá trình điều tra xác định,

+ D mang theo số tiền 45.000.000 đồng, sử dụng 15.000.000 đồng để làm cái đánh bạc với các con bạc, khi bị bắt D thắng được 10.200.000 đồng, thu giữ trong người D số tiền 55.200.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 1200 và 01 xe mô tô biển số 60F3-13674;

+ T mang theo và sử dụng số tiền 4.050.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T thắng được 2.800.000 đồng, thu giữ trong người T số tiền 6.850.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và 01 xe mô tô biển số 69F1- 327.69;

+ M cùng với vợ là Phạm Thị T mang theo và sử dụng số tiền 10.500.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt M thua 7.000.000 đồng, thu giữ trong người M số tiền 3.500.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung màu đen;

+ K cùng em gái Huỳnh Cẩm T mang theo số tiền 4.960.000 đồng, sử dụng 4.500.000 đồng để đặt tiền đánh bạc và thua hết số tiền trên, thu giữ trong người K số tiền 460.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ. Thu giữ trong người Tiên 01 điện thoại di động Samsung màu đỏ;

+ D mang theo và sử dụng số tiền 700.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt D thua 700.000 đồng, thu giữ trong người D 01 điện thoại di động Oppo;

+ T, N mỗi người mang theo số tiền 1.500.000 đồng, T mang theo số tiền 8.900.000, ba người góp mỗi người 1.500.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt T, N, T thua 2.700.000 đồng, thu giữ 1.800.000 đồng trên chiếu bạc, 01 điện thoại di động Oppo màu hồng của T, 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của N, 7.400.000 đồng trong người T;

+ N mang theo và sử dụng 3.200.000 đồng để làm cái đánh bạc, khi bị bắt Ni thua hết số tiền trên, N bị thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Vivo;

+ H mang theo số tiền 4.280.000 đồng, sử dụng 1.800.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt H thắng được 2.000.000 đồng, thu giữ trong người H số tiền 6.280.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo;

+ Ú mang theo theo số tiền 5.200.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt Ú thua 400.000 đồng, thu giữ trên người Ú 4.800.000 đồng;

+ H mang theo và sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để làm cái đánh bạc, khi bị bắt H thua hết số tiền trên;

+ L mang theo và sử dụng 800.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt L thua 400.000 đồng, thu giữ trong người L số tiền 400.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 60N1 -181.82 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung;

+ L mang theo và sử dụng 8.150.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt L thua 2.100.000 đồng, thu giữ trong người L số tiền 6.050.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Oppo màu tím;

+ T mang theo số tiền 6.000.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt T thắng được 200.000 đồng, thu giữ trong người T số tiền 6.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen;

+ X mang theo số tiền 5.500.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đặt tiền đánh bạc, khi bị bắt X thua 500.000 đồng, thu giữ trong người X số tiền 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung màu đen;

+ C thu tiền xâu, ngày 15/9/2019 C thu được 450.000 đồng và đã giao nộp cho cơ quan Công an, thu giữ của C 01 điện thoại di động Nokia màu đen. Cơ quan điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 72.050.000 đồng .

Ngày 24/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố đối với Trần Đình Hùng C về tội Tổ chức

đánh bạc, khởi tố bị can đối với Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X về tội Đánh bạc để điều tra, xử lý theo qui định. Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên .

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 54.840.000 đồng, gồm: tiền của D 30.000.000 đồng, K 460.000 đồng, T 7.400.000 đồng, H 2.480.000 đồng, T 5.800.000 đồng; Ú 4.200.000 đồng và X 4.500.000 đồng, các bị can không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 11 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại Iphone 6 Plus của T; 01 điện thoại Oppo của N; 01 điện thoại Samsung màu đen của M; 01 điện thoại Nokia màu đỏ của K; 01 điện thoại Oppo của D; 01 điện thoại Vivo của N; 01 điện thoại Oppo của H; 01 điện thoại Samsung của L; 01 điện thoại Oppo màu tím của L; 01 điện thoại Nokia màu đen của T; 01 điện thoại Samsung màu đen của X; 01 xe mô tô biển số: 69F1-327.69 của T và 01 xe moto biển số 68N1 – 181.82 của L không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 72.050.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, 01 xe mô tô biển số 60F3 – 136.74 và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của D, 01 điện thoại di động Oppo của T, 01 điện thoại di động Samsung của T và 01 điện thoại di động Nokia của C là các đồ vật, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng làm công cụ để đánh bạc, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số : 23/CT/VKS-TB ngày 09 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố: Trần Đình Hùng C về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự; Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Xử phạt các bị cáo:

+ Trần Đình Hùng C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

+ Trịnh Ngọc D, Phan Văn N, Lê Văn H mỗi bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

+ Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công số tiền 72.050.000 đồng; trị giá: ½ xe mô tô biển số 60F3 – 136.74 , ½ điện thoại di động Nokia màu đen của Duy, ½ điện thoại di động Oppo của Thê, ½ điện thoại di động Samsung của Tiên và 01 điện thoại di động Nokia của C; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá. Buộc các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Qua đó đã có đủ căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 11 giờ ngày 15/9/2019 tại nhà ở của Trần Đình Hùng C thuộc ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Trần Đình Hùng C đã chuẩn bị 01 bộ bài tây 52 lá và tổ chức cho Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X cùng nhau tham gia đánh bạc dưới hình thức bài cào với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 72.050.000 đồng (Bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền Trần Đình Hùng C thu tiền xâu được của các con bạc là 450.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Như vậy hành vi của bị cáo Trần Đình Hùng C, đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự;

Hành vi của các bị cáo Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X phạm tội “Đánh bạc”, với tình tiết định khung “Tiền hoặc vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng nên cần xử phạt các bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn vì không có sự phân công, bàn bạc. Bị cáo D là người khởi xướng rủ rê và sử dụng số tiền lớn để đánh bạc nên cần có mức hình phạt cho bị cáo D cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại cũng tham gia tích cực nên cần có mức hình phạt tương xứng. Bị cáo Trần Đình Hùng C tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã chuẩn bị địa điểm, công cụ cho các con bạc

tham gia đánh bạc để thu tiền xấu, do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt vì không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, đa số các bị cáo đều là người lao động, trình độ thấp và có mối quan hệ thân thích với nhau nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử vì: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đa số các bị cáo có trình độ học vấn thấp, là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Áp dụng Điều 65 BLHS có căn cứ chấp nhận giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng chế định án treo là phù hợp thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền 72.050.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, 01 xe mô tô biển số 60F3 – 136.74 và $\frac{1}{2}$ điện thoại di động Nokia màu đen của D, $\frac{1}{2}$ điện thoại di động Oppo của T, $\frac{1}{2}$ điện thoại di động Samsung của T và 01 điện thoại di động Nokia của C là các đồ vật, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 - Bộ luật Hình sự năm 2015,

+ Tuyên bố bị cáo: Trần Đình Hùng C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

+ Xử phạt bị cáo Trần Đình Hùng C 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Đình Hùng C số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Trần Đình Hùng C cho UBND xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Tuyên bố các bị cáo: Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần

Cầm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X phạm tội “Đánh bạc”

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc D 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

+Xử phạt bổ sung bị cáo Trịnh Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Giao bị cáo Trịnh Ngọc D cho UBND phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt các bị cáo Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cầm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cầm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bổ sung các bị cáo Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cầm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cầm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao các bị cáo: Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn D, Phan Thị N, Phan Thị T, Lương Thị Ú, Huỳnh Thị T, Huỳnh Cầm T, Phan Văn N cho UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bùi Văn X, Trần Cầm T, Lê Văn H cho UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Văn M, Đặng Bé T cho UBND xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Thúy H cho UBND xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Thị Thúy L cho UBND xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì UBND xã nơi giám sát có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND các xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để thực hiện việc giám sát, giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng chế độ án treo cố ý vi phạm 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

3. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo đang bị tạm giam gồm: Huỳnh Văn D, Trần Thúy H, Lê Văn H, Huỳnh Văn K, Đặng Văn M, Đặng Bé T, Phạm Thị T, Trần Cẩm T, Lương Thị Ú, Bùi Văn X, Huỳnh Thị T, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 72.050.000 đồng (Bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước trị giá: $\frac{1}{2}$ xe mô tô biển số 60F3 – 136.74 là 12.400.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trị giá $\frac{1}{2}$ điện thoại di động Nokia màu đen là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Trịnh Ngọc D phần trị giá còn lại của chiếc xe và điện thoại trên sau khi đã tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước trị giá $\frac{1}{2}$ 01 điện thoại di động Oppo là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Phan Thị T phần trị giá còn lại của chiếc điện thoại trên sau khi đã tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+Tịch thu nộp ngân sách nhà nước trị giá $\frac{1}{2}$ điện thoại di động Samsung là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Huỳnh Cẩm T phần trị giá còn lại của chiếc điện thoại trên sau khi đã tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá.

(Tiền, vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo Biên lai thu tiền số0114 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2019).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Đình Hùng C, Trịnh Ngọc D, Đặng Bé T, Đặng Văn M, Phạm Thị T, Huỳnh Văn K, Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Văn D, Phan Thị T, Phan Thị N, Trần Cẩm T, Phan Văn N, Trần Thúy H, Lương Thị Ú, Lê Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Thúy L, Huỳnh Thị T và Bùi Văn X mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Thị Quyên